

Các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng đào tạo nguồn nhân lực logistics trên địa bàn TP. Hồ Chí Minh

PHẠM XUÂN GIANG*
HUYỀN NGUYỄN THANH LOAN**

Tóm tắt

Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng đào tạo của một ngành học mới - ngành logistics của các trường, với việc khảo sát cựu học viên đang làm việc trong chính loại hình doanh nghiệp logistics trên địa bàn TP. Hồ Chí Minh (TP. HCM) là vấn đề mới. Kết quả nghiên cứu đã tìm ra 3 yếu tố gồm: (i) Đội ngũ giáo viên; (ii) Chương trình đào tạo và (iii) Cơ sở vật chất có ảnh hưởng đến chất lượng đào tạo. Trên cơ sở đó, nhóm tác giả đưa ra một số gợi mở nhằm nâng cao chất lượng đào tạo chuyên ngành logistics của các trường.

Từ khóa: chất lượng đào tạo, logistics, TP. Hồ Chí Minh

Summary

Research on factors affecting training quality of a new faculty - logistics faculty of schools through a survey of alumni who are now working at logistics business in Ho Chi Minh City is a new problem. The result discovers three factors including (i) Teachers; (ii) Training program and (iii) Facilities that affect training quality. From this finding, the authors make some suggestions on improving the logistics training quality of schools.

Keywords: training quality, logistics, Ho Chi Minh City

GIỚI THIỆU

Chi phí logistics của nước ta hiện vẫn còn cao, chiếm 20% tổng chi phí sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp, trong khi bình quân của thế giới là 14% (Đài Truyền hình Việt Nam, 2020). Tình trạng này có nhiều lý do, trong đó một nguyên nhân được nguyên Phó Thủ tướng Trịnh Đình Dũng chỉ ra tại Diễn đàn logistics Việt Nam 2020 tổ chức tại Hà Nội ngày 26/11/2020 là: “Trình độ nguồn nhân lực logistics còn nhiều hạn chế...”. Biện pháp quan trọng để giải quyết vấn đề này là phải nâng cao chất lượng đào tạo chuyên ngành logistics của các trường trong cả nước nói chung, tại TP. HCM nói riêng. Bởi vậy, mục tiêu của nghiên cứu là xác định các yếu tố có ảnh hưởng đến chất lượng đào tạo chuyên ngành logistics của các trường trên địa bàn TP. HCM, trên cơ sở đó, đề xuất một số hàm ý chính sách nhằm tăng chất lượng đào tạo và sự hài lòng của người học.

CƠ SỞ LÝ THUYẾT VÀ MÔ HÌNH NGHIÊN CỨU

Cơ sở lý thuyết

Chất lượng và chất lượng đào tạo

Theo điều 3.1.1 của tiêu chuẩn ISO 9000:2005,

thì chất lượng là: “mức độ đáp ứng các yêu cầu của một tập hợp có đặc tính vốn có”. Vận dụng vào ngành giáo dục và đào tạo, thì chất lượng đào tạo là mức độ kiến thức, kỹ năng, thái độ mà người học đạt được sau khi kết thúc một bậc học nào đó so với các chuẩn đã được đề ra trong mục tiêu của chương trình đào tạo. Chất lượng đào tạo phụ thuộc vào nhiều yếu tố cả bên trong, bên ngoài tổ chức giáo dục và của chính người học. Trong nghiên cứu này, chất lượng đào tạo được đánh giá thông qua các yếu tố bên trong dưới góc nhìn của cựu học viên đang làm việc tại doanh nghiệp logistics.

Các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng đào tạo

Tiến hành lược khảo các nghiên cứu trong và ngoài nước có liên quan, nhóm tác giả nhận thấy có 5 yếu tố quan trọng nhất ảnh hưởng đến chất lượng đào tạo, đó là:

(1) Chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo là tổng hợp nội dung đào tạo của một khóa học. Nhiều

* Trường Đại học Công nghiệp TP. Hồ Chí Minh,

** Trường Đại học Hoa Sen

Ngày nhận bài: 19/10/2021; Ngày phản biện: 16/11/2021; Ngày duyệt đăng: 22/11/2021

ngghiên cứu đều có chung quan điểm rằng, chương trình đào tạo rất quan trọng đối với việc thu hút người học. Mô hình nghiên cứu của Nguyễn Quốc Nghi (2012), Nguyễn Vũ Văn Anh (2018)... đều đề cập đến yếu tố này.

(2) Đội ngũ giáo viên

Đội ngũ giáo viên giỏi về chuyên môn sẽ thu hút được nhiều người đến học tại trường. Nghiên cứu của Phạm Thị Liên (2016), Nguyễn Vũ Văn Anh (2018)... có cùng quan điểm rằng, đội ngũ giảng viên là rất quan trọng đối với chất lượng đào tạo.

(3) Cơ sở vật chất

Nhiều nghiên cứu đều khẳng định, cơ sở vật chất là một trong những yếu tố rất quan trọng đối với chất lượng đào tạo và sự hài lòng của học viên. Các nghiên cứu của Nguyễn Quốc Nghi (2012), Nguyễn Vũ Văn Anh (2018), Đào Thị Vân (2019)... đều đề cập đến yếu tố cơ sở vật chất.

(4) Hệ thống đánh giá học viên

Hệ thống đánh giá là quá trình ghi chép có hệ thống và sử dụng dữ liệu thực nghiệm về kiến thức, kỹ năng, thái độ và niềm tin để tinh chỉnh chương trình và đánh giá chất lượng đầu ra của học viên trước khi hoàn thành một chương trình đào tạo. UNESCO (2019) đã khẳng định, hệ thống đánh giá là yếu tố được xem xét kỹ lưỡng khi chọn trường của sinh viên. Một hệ thống đánh giá rõ ràng và đáp ứng được mục đích của người học có ảnh hưởng rất lớn đến chất lượng đào tạo...

(5) Dịch vụ hỗ trợ học viên

Dịch vụ hỗ trợ của cơ sở đào tạo bao gồm dịch vụ ngoại khóa đến cảng biển, trung tâm và doanh nghiệp logistics, liên kết với doanh nghiệp để tư vấn việc làm cho học viên... Đào Thanh Vân (2019) cho rằng, dịch vụ hỗ trợ quyết định đến chất lượng đào tạo...

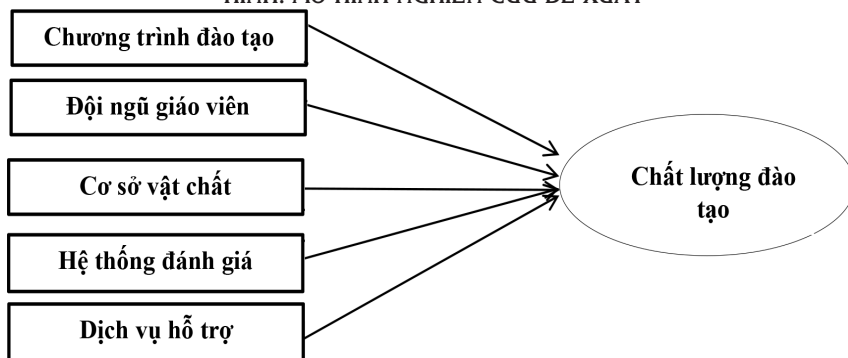
Mô hình nghiên cứu đề xuất

Dựa trên cơ sở lý thuyết như trên kết hợp với khảo lược các nghiên cứu liên quan, nhóm tác giả đề xuất mô hình nghiên cứu như Hình.

Phương pháp nghiên cứu

Trong số 250 phiếu được gửi qua email hoặc zalo trong tháng 8/2021 khảo sát cựu học viên đã tốt nghiệp từ năm 2018 đến tháng 7/2021 đang làm việc tại doanh nghiệp logistics trên địa bàn TP.HCM, nhóm tác giả thu về 220 phiếu, trong đó có 6 phiếu bị loại, còn lại 214 phiếu đạt yêu cầu đưa vào phân tích (*Bài viết sử dụng cách viết số thập phân theo chuẩn quốc tế*).

HÌNH: MÔ HÌNH NGHIÊN CỨU ĐỀ XUẤT



Nguồn: Đề xuất của nhóm tác giả

BẢNG 1: TÓM LƯỢC KẾT QUẢ KIỂM ĐỊNH CRONBACH'S ALPHA

STT	Tên yếu tố	Hệ số tổng	Tên biến quan sát của yếu tố	Hệ số tương quan biến tổng của biến quan sát
1	Chương trình đào tạo (CT)	.882	CT1, CT2, CT3, CT4	.690; .588; .680; .714
2	Đội ngũ giáo viên (GV)	.854	GV1, GV2, GV3, GV4, GV5	.541; .670; .704; .713; .719
3	Cơ sở vật chất (CS)	.822	CS1, CS2, CS3, CS4, CS5	.568; .615; .644; .670; .588
4	Hệ thống đánh giá (DG)	.804	DG1, DG2, DG3, DG4, DG5	.586; .505; .588; .655; .607
5	Dịch vụ hỗ trợ (HT)	.731	HT1, HT2, HT3, HT4	.493; .566; .483; .550
6	Chất lượng đào tạo (CL)	.835	CL1, CL2, CL3, CL4	.617; .709; .676; .663

BẢNG 2: MA TRẬN XOAY NHÂN TỐ CỦA YẾU TỐ ĐỘC LẬP

Biến quan sát	Hệ số tải nhân tố của yếu tố			
	1	2	3	4
GV3/Đội ngũ giáo viên rất quan tâm tới các yêu cầu nhân lực của doanh nghiệp	.790			
GV4/Đội ngũ giáo viên có kỹ năng giao tiếp tốt	.784			
GV5/Đội ngũ giáo viên sử dụng nhiều phương pháp giảng dạy hiện đại	.774			
GV2/Đội ngũ giáo viên hiểu rõ nhu cầu kiến thức chuyên ngành logistics của doanh nghiệp	.721			
GV1/Đội ngũ giáo viên có trình độ cao về chuyên môn giảng dạy	.620			
CT4/Danh sách môn học tự chọn đa dạng, phong phú		.814		
CT3/Trường phân bổ các học phần trong chương trình đào tạo hợp lý		.794		
CT1/Chương trình đào tạo có mục tiêu và chuẩn đầu ra rõ ràng		.741		
CT2/Chương trình đào tạo được cập nhật thường xuyên		.522		
DG3/Hệ thống đánh giá học viên bao gồm cả bên trong và bên ngoài lớp học			.786	
DG5/Hệ thống đánh giá cân đối giữa kỹ năng lý thuyết và thực hành nghiệp vụ			.754	
DG4/Doanh nghiệp được tham gia vào việc xây dựng hệ thống đánh giá của trường			.750	
CS1/Phòng học đáp ứng được nhu cầu học tập trên lớp của sinh viên				.760
CS2/Trường có các phương tiện phục vụ dạy và học tốt				.718
CS3/Thư viện có nguồn tài liệu học tập phong phú, đa dạng				.713

Nguồn: Nhóm tác giả tổng hợp từ dữ liệu nghiên cứu

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Kiểm định Cronbach'Alpha

Kết quả kiểm định Cronbach'Alpha (Bảng 1) cho thấy, 6 thang đo với 27 biến quan sát đều đạt yêu cầu, nghĩa là các biến quan sát của cùng một thang đo đảm bảo đo lường được cho thang đo đó.

BẢNG 3: MA TRẬN XOAY NHÂN TỐ CỦA YẾU TỐ PHỤ THUỘC

Biến quan sát	Hệ số tải nhân tố
CL1/ Kiến thức chuyên môn tốt	.610
CL2/ Kiến thức nghề nghiệp thành thạo	.721
CL3/ Kỹ năng mềm đa dạng	.684
CL4/ Thái độ ứng xử phù hợp	.669

BẢNG 4: TÓM TẮT MÔ HÌNH

Mô hình	R	R ²	R ² hiệu chỉnh	Độ lệch chuẩn ước lượng	Hệ số Durbin-Watson
1	.805 ^a	.648	.642	.425	1.888

BẢNG 5: PHƯƠNG SAI

Mô hình	Tổng bình phương	Df	Trung bình bình phương	F	Sig.
1 Hồi quy	69.662	4	17.415	96.340	.000 ^b
Phần dư	37.781	209	.181		
Tổng	107.443	213			

BẢNG 6: HỆ SỐ HỒI QUY

Mô hình	Hệ số hồi quy chưa chuẩn hóa		Hệ số hồi quy chuẩn hóa	Giá trị t	Mức ý nghĩa Sig.	Thống kê đa cộng tuyến	
	Hệ số B	Sai số chuẩn	Hệ số β			Độ chấp nhận	Hệ số VIF
(Constant)	.238	.201		1.184	.238		
1 GV	.666	.053	.661	12.446	.000	.596	1.678
CT	.163	.058	.155	2.818	.005	.554	1.806
CS	.058	.056	.055	1.025	.037	.576	1.737

Nguồn: Nhóm tác giả tổng hợp từ dữ liệu nghiên cứu

Phân tích nhân tố khám phá (EFA)

Kết quả phân tích EFA đối với các thang đo độc lập có hệ số KMO = 0.881 > 0.5, nên phân tích nhân tố là phù hợp với tập dữ liệu. Giá trị Sig. (Bartlett's test) = 0.00 < 0.05, chứng tỏ các biến quan sát có tương quan với nhau trong tổng thể. Phân tích EFA cũng cho thấy, tại giá trị Eigenvalues = 1.023 > 1 của phương pháp trích Principal Components đã rút trích được 4 yếu tố độc lập từ 15 biến quan sát còn lại (Bảng 2).

Phân tích EFA cũng cho thấy, có 8 biến bị loại, gồm: toàn bộ 4 biến của yếu tố Dịch vụ hỗ trợ; 2 biến của yếu tố Cơ sở vật chất là CS4, CS5 và 2 biến của yếu tố Hệ thống đánh giá gồm: DG1, DG2. Tổng phương sai trích bằng 68.09% > 50%, có nghĩa là 68.09% biến thiên của chất lượng đào tạo được giải thích bởi 4 yếu tố là Đội ngũ giáo viên (5 biến); Chương trình đào tạo (4 biến); Hệ thống đánh giá (3 biến) và Cơ sở vật chất (3 biến).

Kết quả phân tích EFA cho thang đo phụ thuộc “Chất lượng đào tạo” có hệ số KMO = 0.814 > 0.5, nên phân tích nhân tố là phù hợp với tập dữ liệu; giá trị Sig. (Bartlett's test) = 0.00 < 0.05, chứng tỏ các biến quan sát có tương quan với nhau trong tổng thể. Tại giá trị Eigenvalues = 2.312 > 1 của phương pháp trích Principal Components đã rút trích được 1 yếu tố từ 4 biến quan sát như Bảng 3.

Phân tích hồi quy bội

Hồi quy bội được thực hiện 2 lần, lần 1 biến Hệ thống đánh giá (DG) bị loại do có giá trị Sig. = 0.524 >

0.05. Nghiên cứu tiến hành hồi quy lần 2 với 3 biến còn lại gồm: Đội ngũ giáo viên (GV); Chương trình đào tạo (CT) và Cơ sở vật chất (VC). Hệ số tương quan (R) = 0.805, nghĩa là giữa biến CL với 3 biến: GV, CT và VC có mối liên hệ tuyến tính chặt chẽ đến 80.5%; R² hiệu chỉnh = 0.642, chứng tỏ mô hình phù hợp 64.2%. Nói cách khác, 3 biến: GV, CT và VC giải thích được 64.2% sự biến động của biến phụ thuộc CL. Mô hình không có hiện tượng tự tương quan, vì hệ số Durbin-Watson (d=1.888) nằm trong khoảng dl < d < 4-du = 1.7381 < 1.888 < 2.201. Kết quả kiểm định Spearman cho phép khẳng định, mô hình không có hiện tượng phương sai phần dư thay đổi (Bảng 4).

Giá trị F trong Bảng 5 là 96.340 và Sig. = 0.000 < 0.05, chứng tỏ mô hình lý thuyết phù hợp với thực tế, các biến độc lập có tương quan tuyến tính với biến phụ thuộc.

Phương trình hồi quy tuyến tính bội với hệ số beta chuẩn hóa là:

$$CL = 0.661*GV + 0.155*CT + 0.055*CS$$

Hệ số VIF < 2 (Bảng 6) chứng tỏ mô hình không có hiện tượng đa cộng tuyến.

KẾT LUẬN VÀ HÀM Ý CHÍNH SÁCH

Kết luận

Kết quả nghiên cứu đã chỉ ra 3 yếu tố là: (i) Đội ngũ giáo viên; (ii) Chương trình đào tạo; (iii) Cơ sở vật chất có ảnh hưởng đến chất lượng đào tạo. Trong đó, yếu tố Đội ngũ giáo viên có mức độ ảnh hưởng mạnh nhất, tiếp đến là Chương trình đào tạo và Cơ sở vật chất.

Chi phí logistics trong tổng chi phí sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp nước ta vẫn còn khá cao. Vì vậy, để góp phần khắc phục tình trạng này, việc nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực cho ngành logistics cả nước nói chung, TP. HCM nói riêng là một nhiệm vụ quan trọng đối với các trường.

Hàm ý chính sách

Về Đội ngũ giáo viên

Việc xây dựng bộ tiêu chuẩn để tuyển dụng và đào tạo đội ngũ giáo viên của trường, ngoài tiêu chuẩn về trình độ chuyên môn và khả năng giảng dạy, còn cần chú trọng hơn nữa tiêu chuẩn về khả năng hiểu biết thực tế ngành và yêu cầu đào tạo của doanh nghiệp. Bởi vậy, nên ưu tiên tuyển dụng giáo viên đã kinh qua

thực tế ngành, tạo điều kiện cho họ học thêm để quay trở lại làm công tác giảng dạy. Đội ngũ giáo viên phải sử dụng được nhiều phương pháp giảng dạy, linh hoạt thay đổi phương pháp để tạo sự hấp dẫn trong bài giảng; sử dụng tốt hệ thống E-learning và phần mềm làm trắc nghiệm nhanh trên lớp (Kahoot.it); đưa ứng dụng Trello.com vào việc hệ thống kiến thức, phân công nhiệm vụ làm bài tập nhóm...

Trong giảng dạy, giáo viên cần chú trọng hơn đến các yếu tố sau:

- Chọn lọc kiến thức truyền tải cho học viên theo tính ứng dụng để giải quyết các công việc logistics hơn là quá chú trọng đến kiến thức lý thuyết, hàn lâm;

- Đóng góp ý kiến để tạo sự liên kết với doanh nghiệp; đánh giá và hệ thống lại thường xuyên, liên tục các yêu cầu cụ thể trong công việc logistics rồi quay lại điều chỉnh nội dung giảng dạy;

- Phải thường xuyên cập nhật những văn bản pháp quy có liên quan đến ngành logistics và thực trạng ngành, để bổ sung kịp thời kiến thức cho người học;

- Tách bạch rõ nội dung truyền tải cho học viên theo 2 mảng kiến thức về chuyên môn và kỹ năng thông qua việc lồng ghép các mô hình thực hành, trò chơi ứng dụng, tham quan thực tế...

Về Chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo logistics phải có mục tiêu, chuẩn đầu ra rõ ràng, phù hợp và tiên tiến. Cần tham khảo chương trình đào tạo logistics của các trường đại học ngoài nước và một số ít trường trong nước, như: Đại học Tôn Đức Thắng, Đại học RMIT..., để xây dựng chương trình đào tạo tiên tiến và cập nhật. Các môn

học tự chọn phải đa dạng, phong phú, còn các môn học bắt buộc phải có tính đặc thù cho chuyên ngành đào tạo logistics. Các môn học chuyên ngành trong chương trình đào tạo logistics nên là: Quy hoạch và quản lý chuỗi cung ứng; Chiến lược tìm kiếm nguồn hàng và mua hàng; Quản lý kho; Quản lý cảng; Quản lý chất lượng; Quản lý dự án...

Giảm thời lượng của các môn học không có liên quan hoặc ít liên quan đến chuyên ngành logistics, dành thời lượng tối đa cho các môn học chuyên ngành logistics trong chương trình đào tạo dài hạn, cũng như toàn bộ thời lượng cho các môn học này trong chương trình đào tạo ngắn hạn tại các trường.

Về Cơ sở vật chất

Để có cơ sở vật chất tốt đáp ứng cho nhu cầu đào tạo, các trường cần có phòng học đáp ứng đủ ánh sáng và thông thoáng. Diện tích phòng học và sĩ số học viên cần phải tương đồng, quá chật hay quá rộng đều có ảnh hưởng đến chất lượng dạy và học. Hệ thống âm thanh cũng rất quan trọng cho giảng dạy, hiện tượng mic cầm tay không dây của giáo viên bị “trùng sóng” khi giảng dạy đã làm cho cả thầy và trò “mất hứng” trong buổi dạy, nên cần trang bị loại mic không dây có thể điều chỉnh được tần số. Giảng viên dùng mic có dây sẽ khắc phục được hiện tượng “trùng sóng”, nhưng khá bất tiện khi phải di chuyển đến giữa hoặc cuối phòng nhằm bao quát cả lớp học. Trường cần thường xuyên nâng cấp cấu hình máy tính, cập nhật cài đặt các ứng dụng phục vụ cho đào tạo; bảo trì, bảo dưỡng tất cả thiết bị phục vụ dạy và học; khăn trải bàn phòng thực hành mô phỏng cho một số môn học chuyên ngành logistics.

Vòng đời của sách đào tạo kinh tế thường không quá 10 năm, tốt nhất là trong vòng 5 năm, vì vậy các trường cần đảm bảo có đủ kinh phí để thư viện thường xuyên có tài liệu mới, chất lượng cao, đồng thời loại bỏ dần các tài liệu cũ. Thư viện trường cần chú ý hơn đến không gian học tập và tiện ích phục vụ học tập, đồng thời khống chế được độ ồn và khoảng cách ngồi của người học, nhất là khi đại dịch Covid-19 vẫn chưa được kiểm soát hoàn toàn. □

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đài Truyền hình Việt Nam (2020). *Chương trình Thời sự lúc 19h ngày 26/11/2020*
2. Đào Thanh Vân (2019). *Giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo nhân lực ngành du lịch khách sạn tại Trường cao đẳng Du lịch Vũng Tàu*, Luận văn thạc sĩ, Trường Đại học Bà Rịa - Vũng Tàu
3. Nguyễn Vũ Văn Anh (2018). *Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng đào tạo ngành quản trị kinh doanh của Trường Đại học Công nghiệp TP. HCM trong sự so sánh với một số trường đại học tại TP. HCM*, Đề tài khoa học cấp trường, Trường Đại học Công nghiệp TP. Hồ Chí Minh
4. Nguyễn Quốc Nghi và cộng sự (2012). *Các nhân tố ảnh hưởng đến mức độ hài lòng của sinh viên đối với chất lượng đào tạo ngành du lịch của các trường đại học ở Đồng bằng sông Cửu Long*, *Tạp chí Khoa học, Trường Đại học Cần Thơ*, số 22b
5. Phạm Thị Liên (2016). *Chất lượng dịch vụ đào tạo và Chất lượng đào tạo của người học trường hợp Trường Đại học Kinh tế, Đại học Quốc gia Hà Nội*, *Tạp chí Khoa học, Đại học Quốc gia Hà Nội*, 32(S4)
6. Aghamolaei, T., and Zare, S (2008). Quality gap of educational services in viewpoints of students in Hormozgan University of medical sciences, *BMC Medical Education*, 8(1)